

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
thành phố Hoà Bình đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hoà Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hoà Bình đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Một là, phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với định hướng chiến lược;

Hai là, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm;

Ba là, phát huy tối đa tiềm năng và thế mạnh trên địa bàn, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để phát triển;

Bốn là, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội;

Năm là, gắn hiệu quả tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường;

Sáu là, giữ vững ổn định chính trị xã hội, kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đổi mới toàn diện, phát huy tối đa nội lực, kết hợp với huy động các nguồn lực bên ngoài; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; tập trung phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp sạch chủ lực, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững gắn với bảo vệ môi trường; xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước hiện đại. Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để thành phố Hòa Bình cơ bản trở thành đô thị loại II vào năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,5%/năm và đạt 13,1%/năm giai đoạn 2016 – 2020 (theo giá cố định 1994); giai đoạn 2011 - 2015 đạt 11,8%/năm và đạt 13,2%/năm giai đoạn 2016 – 2020 (theo giá cố định năm 2010). Tỷ trọng Dịch vụ - công nghiệp, xây dựng - nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của thành phố vào năm 2015 là 49,2%, 45,8%, 5% và đến năm 2020 là 56,8%, 39,6%, 3,6%.

- Thu ngân sách nhà nước đạt 210 tỷ đồng vào năm 2015 và đạt 350 tỷ đồng vào năm 2020.

- GDP bình quân đầu người đạt 40 triệu đồng năm 2015 và đạt 78 triệu đồng vào năm 2020.

- Phần đầu tư tỷ lệ đô thị hóa năm 2015 đạt 87,5% và đạt 97% vào năm 2020.

- Phần đầu tư tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015 đạt 28%, năm 2020 đạt 100%.

b) Về phát triển xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm dưới 1%.

- Quy mô dân số đến năm 2015 là 110 nghìn người, năm 2020 là 130 nghìn người.

- Phần đầu tư đến năm 2015 có trên 50% lao động qua đào tạo nghề; năm 2020 có trên 60% lao động qua đào tạo nghề; hằng năm tạo việc làm mới cho trên 2.500 lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị xuống 3% vào năm 2015 và dưới 2,5% vào năm 2020.

- Phần đầu tư trên 80% hộ gia đình, trên 60% tổ, xóm, trên 75% cơ quan, đơn vị, trên 80% trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 2% (theo tiêu chí mới).
- Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%.
- Đến năm 2015, tỷ lệ phường, xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế là 40%; năm 2020 là 60% (theo tiêu chí giai đoạn 2011-2020).

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 60% vào năm 2015, đạt 75% vào năm 2020. Có 100% số phường, xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2015 tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 45% diện tích đất tự nhiên, trong đó giữ vững tỷ lệ che phủ rừng 43%.

- Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải, chất thải rắn đến năm 2015 đạt 90%, năm 2020 đạt 100%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định từ năm 2015 trở đi là 100%.

- Đến năm 2020, 100% bệnh viện tỉnh và thành phố có hệ thống xử lý chất thải y tế.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến năm 2015 là 99%, năm 2020 là 100%.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Về phát triển công nghiệp – xây dựng

a) Quan điểm

Phát triển ngành công nghiệp - xây dựng phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Hòa Bình và của tỉnh Hòa Bình theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu ngành kinh tế. Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu và giải pháp

- Phân đầu giá trị gia tăng của ngành công nghiệp - xây dựng tăng 13,1%/năm giai đoạn 2011-2015 và tăng 14%/năm giai đoạn 2016-2020 (theo giá năm 2010).

- Thu hút các ngành công nghiệp tạo ra sản phẩm có thị trường tiêu thụ, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, đặc biệt các ngành có lợi thế so sánh.

+ Ngành cơ kim khí tiêu dùng, sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử, phần mềm tin học và thấu kính (tập trung ở Khu công nghiệp bờ trái sông Đà).

+ Chế biến nông sản thực phẩm, công nghiệp dệt may, da giày: Tận dụng nguyên liệu sẵn có từ sản xuất nông, lâm nghiệp của địa phương và các huyện lân cận. Thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến thực phẩm theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu của thành phố và của tỉnh. (Thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Chăm Mát - Dân Chủ, Thái Bình, Khu công nghiệp bờ trái sông Đà).

+ Ngành vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản: Tại Cụm công nghiệp Yên Mông.

+ Các ngành tiêu thủ công nghiệp gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại cụm Chăm Mát - Dân Chủ, Thái Bình, Yên Mông.

- Công nghiệp nước sạch: Tận dụng thế mạnh nguồn nước mặt từ sông Đà và hồ Hòa Bình.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố, đặc biệt là các dự án khu đô thị mới, chợ kinh doanh tổng hợp. Phát triển các loại hình hợp tác xã, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực xây dựng trên địa bàn.

2. Về phát triển dịch vụ

a) Quan điểm

Phát triển theo chiều sâu và có chọn lọc, chú trọng nâng cao chất lượng ngành dịch vụ, tạo sự đột phá trong giai đoạn 2016-2020.

b) Mục tiêu và giải pháp

- Phần đầu giai đoạn 2011-2015: Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ trên địa bàn đạt 11,6%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 13,8%/năm (theo giá năm 2010).

* Lĩnh vực Thương mại:

- Phát triển mạng lưới thương mại nhiều thành phần như một hệ thống và gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tại các xã, phường chưa có chợ, quy hoạch tại các điểm phù hợp và đưa vào chương trình đầu tư của thành phố theo hình thức xã hội hóa. Đổi mới hình thức tổ chức quản lý các chợ. Hình thành hệ thống các cửa hàng thương mại, bảo đảm văn minh thương mại theo Quy chế quản lý đô thị.

- Quy hoạch mạng lưới chợ: Nâng cấp, cải tạo 6 chợ (01 chợ hạng I; 05 chợ hạng III), trong đó nâng cấp 03 chợ: Thái Bình, Tân Thịnh, Tân Thành thành trung tâm mua sắm.

- Quy hoạch trung tâm thương mại: 01 trung tâm thương mại dịch vụ hạng II tại bờ trái sông Đà, 01 trung tâm bán buôn hàng công nghiệp tiêu dùng (địa bàn xã Trung Minh); 04 trung tâm mua sắm với một số siêu thị hạng III tại các trung tâm mua sắm; 01 trung tâm hội chợ triển lãm thương mại tại khu vực bờ phải sông Đà.

* Lĩnh vực dịch vụ khác:

Dịch vụ tài chính, ngân hàng:

- Tài chính ngân sách: Phát triển nguồn thu, tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; chi ngân sách địa phương bảo đảm tiết kiệm; bố trí tăng dự phòng để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, xử lý những nhiệm vụ đột xuất phát sinh. Thực hiện các biện pháp cải tiến quản lý thu, tăng cường chống thất thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại. Dự kiến tăng trưởng về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân 12,5%/năm giai đoạn 2011-2015, tăng 10,7%/năm giai đoạn 2016-2020 (không tính nguồn thu tiền sử dụng đất).

- Ngân hàng, quỹ tín dụng: Là ngành ưu tiên khuyến khích phát triển hàng đầu trong các ngành dịch vụ trên địa bàn. Triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các cơ chế, chính sách hoạt động tín dụng của nhà nước. Thông tin kịp thời tới các đối tượng vay vốn về chính sách tín dụng, chính sách ưu đãi phát triển ngành nghề nông thôn. Khuyến khích phát triển quỹ tín dụng góp phần giảm nghèo, giải quyết việc làm, tăng thu nhập. Tăng cường huy động vốn tại địa phương. Dự kiến mức huy động vốn tăng bình quân khoảng 25%/năm; mức tăng trưởng dư nợ tín dụng tăng 24%/năm.

Du lịch, vui chơi, giải trí:

- Mô hình du lịch nghỉ dưỡng là loại hình du lịch phù hợp nhất để phát triển du lịch thành phố. Các loại hình du lịch có thể khai thác gồm: Du lịch tham quan thắng cảnh, văn hóa, sinh thái, thể thao, nghỉ cuối tuần, vui chơi giải trí...

- Khai thác các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng có ý nghĩa vùng và địa phương. Khai thác mặt nước, cảnh quan hai bờ sông Đà và các đồi cao phía Đông thành phố, khu vực Nhà máy thủy điện... Du lịch văn hóa gắn với các lễ hội trên địa bàn. Xây dựng sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

- Xây dựng các tour, tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và các sản phẩm du lịch.

- Hệ thống nhà hàng, khách sạn: Quy hoạch gắn liền với quy hoạch các khu du lịch. Khuyến khích tạo điều kiện phát triển các khu du lịch, khách sạn cao cấp để phục vụ khách có nhu cầu cao hoặc khách quốc tế. Quy hoạch để thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm giải trí bên cạnh các khu du lịch nhằm bảo đảm nhu cầu giải trí phục vụ khách du lịch nghỉ dưỡng dài ngày.

Dịch vụ giao thông vận tải, bảo hiểm, tư vấn, bưu chính viễn thông: Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành dịch vụ góp phần nâng cao các tiềm lực kinh tế trên địa bàn thành phố.

3. Về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Quan điểm

Chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi gắn với hiệu quả đầu tư. Đầu tư thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ cao trong nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu và đất đai. Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp; quản lý và khai thác gắn với bảo vệ tốt hơn nguồn lợi thủy sản hồ sông Đà. Phát triển mạnh trồng rừng kinh tế, tập trung quản lý rừng phòng hộ, khôi phục phát triển rừng tự nhiên.

b) Mục tiêu và giải pháp

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 5,3%/năm giai đoạn 2011-2015; tăng 4,1%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi đất nông, lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Thực hiện tốt các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp; Tạo điều kiện để phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn các xã, Quy hoạch ruộng đất sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố; quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung; quy hoạch thêm một cơ sở giết mổ tập trung tại bờ trái sông Đà.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC XÃ HỘI

1. Về phát triển lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

a) Quan điểm

Phát triển giáo dục đào tạo gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hiện đại hóa các hình thức giáo dục ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b) Mục tiêu và giải pháp

- Đổi mới sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng giáo dục toàn diện, thực hiện 3 mục tiêu: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và đưa thành phố trở thành trung tâm đào tạo nghề của khu vực Tây Bắc.

- Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện xã hội hóa lĩnh vực giáo dục. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Điều chỉnh cơ cấu đào tạo nghề, nâng cấp các trường trung cấp thành trường cao đẳng. Huy động năng lực dạy nghề trên địa bàn đặc biệt từ các doanh nghiệp, làng nghề; đa dạng hóa các hình thức dạy nghề, chú trọng dạy nghề ngắn hạn. Mở rộng liên kết trong giáo dục và đào tạo.

- Ổn định và phát triển quy mô trường lớp, khuyến khích phát triển các trường tư thục; tăng cường thu hút đầu tư cho giáo dục. Hàng năm tập trung đầu tư ngân sách

cho các trường chuẩn; nâng cấp và cải tạo đối với các trường đã xuống cấp; đầu tư xây dựng các Trung tâm học tập cộng đồng. Quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp đối với những trường có nhiều điểm lẻ; ưu tiên giành đất cho giáo dục, đặc biệt trong các khu đô thị mới.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ban Bí thư (khóa IX) về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở, từng bước phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án phát triển giáo dục mầm non của tỉnh Hòa Bình và thành phố Hòa Bình.

2. Về phát triển Y tế

a) Quan điểm: Phát triển hệ thống y tế từng bước hiện đại, quan tâm phát triển y tế cơ sở đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

b) Mục tiêu và giải pháp: Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện xã hội hóa lĩnh vực y tế. Từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nâng cao năng lực khám và điều trị bệnh tại các cơ sở y tế. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện việc bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình, công tác phòng chống dịch bệnh; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị và xây dựng các trạm y tế tại các phường, xã; bố trí quỹ đất và xây dựng Trung tâm y tế dự phòng của thành phố; nghiên cứu xây dựng hệ thống Bệnh viện chuyên khoa tại khu vực bờ phải sông Đà, gần Bệnh viện đa khoa tỉnh.

3. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao

- Phát triển thành phố thành trung tâm văn hóa dân tộc Mường. Xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Xây dựng gia đình văn hóa, cộng đồng dân cư văn minh, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư".

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình văn hóa như: Nhà tù Hòa Bình, di tích Đình Ngòi, di tích Bác Hồ về thăm trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa...; tiếp tục xây dựng nhà văn hóa khu dân cư; đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, vui chơi giải trí.

- Duy trì các phong trào thể dục, thể thao thông qua các câu lạc bộ, phát triển thể thao quần chúng, tăng cường giáo dục thể chất cho học sinh. Quan tâm các môn thể thao truyền thống.

4. Giải quyết việc làm và giảm nghèo: Chú trọng đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề tại chỗ. Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Tạo việc làm và chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn bị thu hồi đất. Tăng cường các giải pháp hỗ trợ người nghèo nhanh chóng thoát nghèo, giảm nghèo bền vững.

5. Xây dựng nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn thành phố: Thực hiện xây dựng nếp sống văn minh đô thị trong việc chấp hành pháp luật, chấp hành Quy chế quản lý đô thị, trong việc chấp hành các quy định về trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường.

V. PHƯƠNG HƯỚNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Hạ tầng giao thông

a) Mạng lưới giao thông đường bộ

- Tuyến giao thông đối ngoại gồm có: Đường Quốc lộ 6 (đoạn qua thành phố Hòa Bình) về phía Đông; đường cao tốc Hòa Lạc - Thành phố Hòa Bình đóng vai trò là tuyến vận tải chính kết nối tỉnh Hòa Bình với thành phố Hà Nội.

- Các nút giao thông:

+ Nút giao thông đối ngoại số 1 (Nút giao cắt phía Bắc): Là nút giao giữa Quốc lộ 6 hiện tại với tuyến đường cao tốc Hòa Lạc – thành phố Hòa Bình.

+ Nút giao thông đối ngoại số 2 (Nút giao thông phía Đông): Nút giao giữa tuyến Quốc lộ 6 (đoạn qua thành phố Hòa Bình) với đường Cù Chính Lan là cửa ngõ vào khu trung tâm hiện tại của thành phố.

+ Nút giao thông đối ngoại thứ 3 (Nút giao thông phía Đông): Là nút giao thông giữa tuyến Quốc lộ 6 (đoạn qua thành phố Hòa Bình) với đường trục chính khu vực Quỳnh Lâm. Đây là khu vực phát triển mới hiện đại và có nhiều công trình công cộng quan trọng của thành phố.

+ Nút giao thông số 4 (Nút giao thông phía Đông, phía phường Châm Mát): Là nút giao thông giữa tuyến Quốc lộ 6 (đoạn qua thành phố Hòa Bình) với đường trục chính khu vực phường Châm Mát.

b) Mạng lưới giao thông đối ngoại tỉnh

- Bến xe khách phía bờ phải sông Đà: Di chuyển Bến xe khách liên tỉnh về cửa ngõ phía Đông (giáp nút giao thông Quốc lộ 6); bến xe khách hiện tại sẽ quy hoạch chuyển thành đầu mối bến buýt công cộng của thành phố.

- Bến xe Châm Mát: Quy hoạch điểm đỗ đầu/cuối của xe buýt.

- Hệ thống điểm đỗ xe công cộng nội thành: Nghiên cứu xây dựng hệ thống điểm đỗ xe buýt và hệ thống đỗ xe tĩnh tại hai bên bờ trái và bờ phải sông Đà.

c) Mạng lưới giao thông, đô thị

- Xây dựng các tuyến nối đô thị: Xây cầu qua sông Đà; nghiên cứu xây dựng cầu qua suối Sủ Ngòi và suối Đúng. Các tuyến 433 nối thành phố Hòa Bình với huyện Đà Bắc, tuyến 434 nối trung tâm thành phố Hòa Bình đến tỉnh Phú Thọ; tuyến 435 nối thành phố Hòa Bình với thượng lưu hồ Hòa Bình.

- Xây dựng các điểm nút giao thông đô thị: Xây dựng quảng trường giao thông kết hợp với tạo cảnh quan tại khu vực hồ Quỳnh Lâm (cuối đường Chi Lăng kéo dài).

- Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp các tuyến đường 434 đến huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Đường Lê Thánh Tông; Đường Trương Hán Siêu; đường Hoàng Văn Thụ; Dự án mở rộng đê Quỳnh Lâm, đê Đà Giang kết hợp đường giao thông...

d) Phát triển giao thông công cộng: Phát triển hệ thống phương tiện xe buýt là phương tiện giao thông chủ lực trong tương lai.

e) Mạng lưới giao thông đường thủy

Tuyến giao thông đường thủy: nối liên tỉnh Hòa Bình – tỉnh Phú Thọ - thành phố Hà Nội – tỉnh Sơn La dọc theo sông Đà với các luồng tuyến vận tải thủy chính. Tuyến Việt Trì - Hòa Bình (dài 57 km); tuyến hồ Hòa Bình - Vạn Yên (95km).

Hệ thống cảng bến đường thủy nội địa: Quy hoạch cảng Hòa Bình (cảng Bến Ngọc) thành cảng tổng hợp, hàng hóa và vật liệu xây dựng; quy hoạch cảng Ba Cấp là cảng chuyên dụng, nâng cấp là cảng tổng hợp cấp IV; đầu tư, nâng cấp cảng Bích Hạ là cảng tổng hợp đầu mối của khu vực, vận chuyển hàng hóa lên vùng Tây Bắc, phục vụ du lịch lòng hồ sông Đà.

Xây dựng thêm một số bến, cảng vùng hạ lưu sông Đà như: Cảng Yên Hòa 2, xã Yên Mông; thiết kế bến thuyền du lịch nhỏ gắn với các điểm du lịch trong khu vực lòng hồ sông Đà.

2. Quy hoạch hệ thống điện

Sản lượng điện tiêu dùng dân sinh bình quân/người/năm là 650 KWh vào năm 2015; đạt 800 KWh/người/năm vào năm 2020. Nhu cầu sử dụng điện cho các hoạt động và dịch vụ công cộng là khoảng 10% điện dân sinh. Nhu cầu điện năng cho sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp từ 150-250 MWh/ha/năm. Lưới điện phân phối: Khu vực nội thành quy hoạch dùng cáp ngầm hoặc đường dây trên không có cách điện đảm bảo mỹ quan đô thị.

3. Quy hoạch mạng lưới bưu chính viễn thông: Đến năm 2015, số máy điện thoại đạt 55 máy/100 dân; đến năm 2020 đạt 80 máy/100 dân. Mật độ thuê bao internet đạt 25-30% vào năm 2015; khoảng 40% vào năm 2020.

4. Quy hoạch cấp nước: Theo hướng chuyển dần từ nguồn nước ngầm sang nguồn nước mặt (nhận từ sông Đà). Cải tạo và xây dựng mới hệ thống cấp nước theo hướng hiện đại, có hệ thống hạ tầng đồng bộ, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Nước sinh hoạt cung cấp đến năm 2015 đạt 120 lít/người/ngày đêm cho 85% dân số; đến năm 2020 đạt 150 lít/người/ngày đêm cho 100% dân số.

- Nước sử dụng cho các công trình công cộng dự kiến đến năm 2015 đạt khoảng 10%; đạt 15% khối lượng nước sinh hoạt đến năm 2020.

- Nước sử dụng cho công nghiệp khoảng 35 m³/ha/ngày đêm tính cho 70% diện tích. Nước sử dụng cho công nghiệp địa phương tính 10% tổng khối lượng nước sinh hoạt.

5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Quy hoạch hệ thống nước thải: Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước đô thị đạt 100% đường nội thị và 70% đường ngoại thị có công thoát nước mưa. Tiếp tục thực hiện dự án thoát nước và xử lý nước thải (nguồn vốn ODA).

- Quy hoạch chất thải rắn: Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Yên Mông phục vụ cho thành phố Hòa Bình và các huyện lân cận.

- Quy hoạch nghĩa trang: Xây dựng "Nghĩa trang công viên sinh thái" tại xã Yên Mông. Di chuyển nghĩa trang chiến dịch Hòa Bình. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo các nghĩa trang hiện có, định hướng quy tập các nghĩa địa đơn lẻ.

6. Bảo vệ môi trường

Khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai và nguồn lực tự nhiên; khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng phòng hộ và rừng sản xuất khu vực xã Thái Thịnh, hồ sông Đà; hệ sinh thái đồi rừng và thảm xanh hiện có tại các xã, phường. Môi trường không khí và tiếng ồn chủ yếu là do hoạt động xây dựng và giao thông vận tải, do vậy cần bảo đảm khả năng kiểm soát bằng phương án trồng cây xanh kết hợp hệ thống tưới nước, rửa đường. Di dời các nhà máy gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị.

7. Quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo từng thời kỳ phát triển đến năm 2020: Tăng diện tích đất nội thị, giảm diện tích đất ngoại thị.

8. Xây dựng nông thôn mới: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến năm 2015 đạt 28% số xã (Yên Mông và Dân Chủ), đến năm 2020 có 100% số xã đạt bộ tiêu chí nông thôn mới.

VI. QUY HOẠCH KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Định hướng phát triển không gian của thành phố

Thành phố Hòa Bình được xác định nằm trong vùng động lực phát triển của vùng thuộc tiểu vùng đô thị - công nghiệp thành phố Hòa Bình - Kỳ Sơn - Lương Sơn gắn với hình thành và phát triển hành lang kinh tế Quốc lộ 6 và đường cao tốc Hòa Lạc – thành phố Hòa Bình. Tăng cường liên kết giữa các vùng và trong nội bộ vùng, khắc phục sự khép kín trong phát triển.

Vùng phát triển đô thị gồm 8 phường nội thành hiện tại và các xã ngoại thành: Thống Nhất, Dân Chủ, Sủ Ngòi, Trung Minh.

Vùng phát triển sinh thái, du lịch, nhà ở sinh thái: Phát triển theo các xã ngoại thành là Yên Mông, Hòa Bình, Thái Thịnh và một phần của các xã Thống Nhất, Dân Chủ, Sủ Ngòi, Trung Minh dọc theo hướng Đông đường Quốc lộ 6 mới.

2. Quy hoạch các khu chức năng

a) Hệ thống trung tâm thành phố

- Các cơ quan chức năng của tỉnh: Tập trung chủ yếu tại khu trung tâm Quỳnh Lâm, quảng trường Hòa Bình phía bờ phải sông Đà.

- Các cơ quan chức năng của thành phố: Tập trung tại bờ trái sông Đà .

- Bờ phải phía Đông hồ Quỳnh Lâm là trung tâm tổng hợp, văn hóa, thương mại dịch vụ, thể dục, thể thao.

- Trung tâm quảng trường đa năng (quy mô khoảng 30 ha) được quy hoạch, xây dựng tổ hợp các công trình công cộng phục vụ hoạt động chung của tỉnh.

b) Khu, cụm công nghiệp: Khu công nghiệp bờ trái sông Đà (86ha) là khu công nghiệp sạch; cụm công nghiệp Yên Mông (khoảng 45 ha) chủ yếu phát triển ngành thủ công truyền thống, chế biến lâm sản, vật liệu xây dựng; cụm công nghiệp Chăm Mát - Dân Chủ (12 ha) và cụm tiểu thủ công nghiệp Thái Bình (khoảng 4,3 ha) chủ yếu phát triển ngành thủ công mỹ nghệ truyền thống, phục vụ du lịch.

c) Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường nghề: Tập trung ở khu vực phường Tân Hoà, phường Thịnh Lang và khu vực phường Chăm Mát, xã Dân Chủ.

d) Khu, điểm dân cư

- Bờ trái sông Đà (bao gồm khu nhà ở sinh thái Yên Mông), khu nội thành: Cải tạo, chỉnh trang các khu ở hiện có, tăng thêm các công trình phúc lợi công cộng, cây xanh, công trình hạ tầng kỹ thuật; khu ngoại thành: Phát triển các làng, bản truyền

thống, cải tạo chỉnh trang theo xu hướng nhà sàn truyền thống, giữ gìn bản sắc đô thị và khai thác du lịch.

- Bờ phải sông Đà: Cải tạo các khu ở hiện có thuộc phường Đồng Tiến, phường Phương Lâm, các khu đô thị mới xung quanh hồ Quỳnh Lâm. Khu Chăm Mát cải tạo, chỉnh trang theo hướng vừa khai thác, vừa giữ gìn, tôn tạo mang tính truyền thống. Các khu đô thị mới phía Bắc, phía Nam phục vụ dân cư sản xuất công nghiệp, trường học, trung tâm thương mại.

- Khu đô thị mới Trung Minh: Là khu ở xây mới, quy hoạch các cụm biệt thự nhà vườn, các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng.

- Các điểm dân cư nông thôn: Bờ trái 20 điểm dân cư với khoảng 1.700 hộ; bờ phải 35 điểm dân cư với khoảng 2.750 hộ.

e) Khu dịch vụ đô thị: Bao gồm các công trình công cộng phục vụ dân cư và công trình công cộng đô thị.

g) Khu công viên cây xanh - thể dục thể thao

- Xây dựng các Công viên: Hồ Đúng, hồ Thịnh Lang, hồ Quỳnh Lâm, Tuổi trẻ, thể thao Trung Minh...

- Khu liên hợp thể dục thể thao Tây Bắc (khoảng 20 ha) tại bờ trái sông Đà: Gồm nhà thi đấu, sân vận động, bãi tập hiện đại...Cải tạo sân vận động hiện có, xây dựng mới sân vận động tại xã Trung Minh, phường Chăm Mát (riêng Trung Minh có thêm Nhà thi đấu).

h) Khu dịch vụ du lịch

- Khu du lịch suối Đúng (khai thác mặt nước, cây xanh, các khu di tích, động Tiên Phi, cảnh quan danh thắng); các cơ sở dịch vụ đô thị bờ trái sông Đà, khu du lịch lòng hồ sông Đà và Nhà máy thủy điện...

- Khu vực xã Yên Mông: Kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại hồ Đồng Beo.

- Khu vực Trung Minh: Xây dựng các công trình vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch thể thao.

- Tham quan các công trình tôn giáo, lịch sử: Nhà máy Thủy điện, hồ Hòa Bình, tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh, tượng đài Cù Chính Lan, động Tiên Phi, bảo tàng Hòa Bình, các đền, miếu ven hồ Hòa Bình.

VII. QUỐC PHÒNG, AN NINH

Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, gắn quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Cùng cố cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh.

VIII. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

IX. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Chú trọng công tác quản lý đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu gắn liền với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tăng cường các giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2011-2020 khoảng 35.600 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011 – 2015 là 10.070 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2020 là 25.530 tỷ đồng.

Ngoài nguồn đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, thành phố cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển như: Tăng cường các giải pháp huy động vốn đầu tư từ nguồn vốn ODA, nguồn vốn từ các doanh nghiệp, nguồn tín dụng, liên doanh, liên kết với bên ngoài, nguồn vốn trong dân cư, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đa dạng hóa hình thức đầu tư BOT, BTO, BT (trong đó khuyến khích đầu tư theo hình thức BT). Tiếp tục khai thác quỹ đất tạo nguồn thu ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Tăng cường xúc tiến đầu tư thu hút các nhà đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ; lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn. Xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực dịch vụ công. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thu hút các thành phần kinh tế vào đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục, thể thao, các công trình văn hóa.

3. Tăng cường các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới như: Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, phân cấp quản lý, lồng ghép các chương trình, dự án, huy động nguồn lực từ quỹ đất tại các xã để xây dựng nông thôn mới.

4. Phát triển nguồn nhân lực gắn với chính sách đào tạo lao động

- Rà soát, đánh giá lại trình độ cán bộ các cấp từ thành phố đến các phường, xã trên địa bàn làm cơ sở xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

- Phát triển hệ thống các trung tâm đào tạo nghề trên địa bàn, liên kết với các chương trình đào tạo của các ngành, các địa phương nhằm đào tạo tay nghề cho người lao động phù hợp với xu hướng chuyển đổi nghề nghiệp trên địa bàn thành phố, hỗ trợ người lao động sau đào tạo có việc làm, ổn định thu nhập.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ dân trí, trình độ nghề nghiệp và tăng cường thể chất cho người lao động.

5. Quy hoạch các khu chức năng, quy hoạch chi tiết 1/500 trên toàn địa bàn thành phố.

6. Chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyên gia công nghệ trong sản xuất - kinh doanh.

7. Tăng cường liên kết với các huyện trong tỉnh và các địa phương vùng Tây Bắc trong việc phát triển kinh tế; đồng thời bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống vùng Tây Bắc....

8. Xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu tình hình mới, trong đó ưu tiên đào tạo cán bộ công chức cấp cơ sở.

9. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong đó chú trọng nâng cao chất lượng công vụ, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

10. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành của tỉnh để xây dựng cơ chế đặc thù cho thành phố, trong đó chú trọng phân cấp về ngân sách và đầu tư, các lĩnh vực quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý đất đai, nhà ở, quản lý khai thác sử dụng công trình đô thị.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2020 cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân thành phố ngay sau khi Quy hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để từng bước thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hằng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng thời kỳ.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân thành phố có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hòa Bình đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình căn cứ vào Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của thành phố, bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành (nếu vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố trong từng giai đoạn, nhằm thu hút đầu tư, huy động tốt các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các sở, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực cần phối hợp với thành phố Hòa Bình để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ thành phố trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban TV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Các CV VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH (ĐT100).

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Tỉnh

**ĐANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRONG QUỸ HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 383/QĐ-UBND ngày 02/4/2013

của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)



STT	DANH MỤC DỰ ÁN
A	GIAI ĐOẠN 2013-2015
I	GIAO THÔNG - ĐÔ THỊ
1	Xây dựng đường cao tốc Hòa Lạc - TP Hòa Bình
2	Xây dựng đường Trương Hán Siêu
3	Nâng cấp đường liên tỉnh Hòa Bình - Thanh Sơn, Phú Thọ
4	Nâng cấp đường Lê Thánh Tông
5	Nâng cấp đường Hoàng Văn Thụ
6	Xây dựng đường Âu Cơ lên cảng Bích Hạ
7	Nâng cấp đường từ UBND xã Thái Thịnh đi xóm Bích, xóm Trụ
8	Dự án xây dựng các trục đường Khu trung tâm Quỳnh Lâm
9	Dự án mở rộng Đê Quỳnh Lâm kết hợp đường giao thông
10	Dự án mở rộng Đê Đà Giang kết hợp đường giao thông
11	Cải tạo các tuyến đường giao thông nội thị
12	Xây dựng đường Chi Lăng kéo dài
13	Xây dựng đường Tinh Hội phụ nữ (giai đoạn 2)
14	Xây dựng hạ tầng các khu đô thị mới thành phố Hòa Bình
15	Hoàn thiện và bổ sung hệ thống cây xanh đường phố trên các trục đường mới
16	Đầu tư giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống không gian cây xanh cảnh quan bên sông Đà khu vực Đồng Tiến
II	THUỶ LỢI, CẤP THOÁT NƯỚC, MÔI TRƯỜNG
1	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải TP Hòa Bình
2	Giải phóng mặt bằng khai thác sử dụng khu xử lý rác thải tại Yên Mông
3	Dự án vùng hạ lưu đập thủy điện Hòa Bình (giai đoạn 2)

STT	DANH MỤC DỰ ÁN
4	Xây dựng hồ Cang 3 xã Hòa Bình
5	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương
6	Các dự án thuộc chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới
7	Quy hoạch ruộng đất, rau an toàn thành phố Hòa Bình.
III	CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ
1	Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư vào KCN bờ trái sông Đà
2	Xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào cụm CN-TTCN Yên Mông, Thái Bình
3	Đầu tư xây dựng các chợ, trung tâm thương mại, các chợ trung tâm cụm xã
4	Xây dựng khu trung tâm thương mại bờ trái sông Đà
5	Dự án quy hoạch phát triển du lịch TP Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
6	Quy hoạch phát triển công nghiệp - TTCN và làng nghề
IV	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
1	Xây dựng các trường học đạt chuẩn quốc gia
2	Xây dựng các trung tâm giáo dục - đào tạo cấp thành phố
3	Xây dựng cụm trường Tân Hòa
V	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
1	Xây dựng Trung tâm hành chính - chính trị thành phố
2	Xây mới, nâng cấp trụ sở các phường, xã
VI	Y TẾ - XÃ HỘI
1	Chương trình nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư phục vụ GPMB thành phố. Xây dựng khu tái định cư 14 ha tại xã Trung Minh di chuyển các hộ sạt lở khu vực Đồng Tiến
2	Xây dựng các trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, các trung tâm y tế cấp thành phố
VII	VĂN HOÁ-THỂ THAO
1	Xây dựng Công viên Tuổi trẻ (giai đoạn II).

STT	DANH MỤC DỰ ÁN
2	Xây dựng, nâng cấp hệ thống nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Hòa Bình
3	Xây dựng các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao cấp thành phố
4	Tu bổ Di tích Bác Hồ về thăm trường Thanh niên lao động XHCN
B	GIAI ĐOẠN 2016-2020
I	GIAO THÔNG – ĐÔ THỊ
1	Xây dựng 2 cầu vượt qua sông Đà
2	Đầu tư nâng cấp cảng Bích Hạ
3	Dự án thu hút đầu tư phát triển đô thị loại vừa (tiểu dự án Hòa Bình)
4	Xây dựng Bến xe thành phố và mở rộng các tuyến vận tải nội tỉnh dạng xe buýt.
II	THỦY LỢI, CẤP THOÁT NƯỚC
1	Cải tạo chống ô nhiễm xây dựng hồ sinh thái xóm Dè 2 phường Hữu Nghị, hồ sinh thái xóm Gai phường Tân Hòa
III	CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ
1	Đầu tư khu du lịch lòng hồ sông Đà thành khu du lịch trọng điểm quốc gia
2	Xây dựng Khu trung tâm Hội chợ triển lãm và thương mại bờ phải sông Đà
IV	VĂN HOÁ-THỂ THAO
1	Xây dựng Công viên Hồ Thịnh Lang
2	Dự án Khu liên hiệp thể thao Tây Bắc bờ trái sông Đà
3	Xây dựng mới công viên hồ Quỳnh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH